

Bản án số: 119/2024/DS-PT

Ngày: 22/4/2024.

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Lê Tự

ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cơ sở tạm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh). Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 323/2023/TLPT-DS ngày 11/12/2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 484/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Ngô Văn T - sinh năm 1944 và bà Đinh Thị L - sinh năm 1956.

Trú tại: thôn Đ, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn T: bà Đinh Thị L - sinh năm 1956.

Trú tại: thôn Đ, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi (văn bản ủy quyền ngày 28/02/2022). Bà L có mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn P - sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị L1 - sinh năm 1943.

Trú tại: thôn Đ, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi. Ông P có mặt, bà L1

vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức Tr - Quyền Giám đốc. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: số 163 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đăng V - Chủ tịch. Ông Trần Thiên Thanh - Phó Chủ tịch có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: thị trấn L2, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

3.3. Bà Nguyễn Thị Cẩm N1 - sinh năm 1973. Vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị D1 - sinh năm 1971. Vắng mặt.

3.5. Bà Lê Thị Th - sinh năm 1967. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.6. Ông Nguyễn Thành V - sinh năm 1989. Có mặt.

3.7. Bà Nguyễn Thị Anh L2 - sinh năm 1969. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.8. Ông Ngô Văn L3 - sinh năm 1980. Có mặt.

3.9. Ông Ngô Văn V - sinh năm 1988.

3.10. Bà Ngô Thị Thiên A - sinh năm 1986.

Cùng cư trú tại: thôn Đ, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

3.11. Bà Nguyễn Thị N2 - sinh năm 1977.

Trú tại: tổ 08, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.12. Bà Ngô Thị Thu H1 - sinh năm 1983; trú tại: khối phố 11, phường A1, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

3.13. Bà Ngô Thị H2 - sinh năm 1970; trú tại: khu dân cư số 3, tổ dân phố 1, thị trấn T1, huyện T3, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Ngô Văn L3, Ngô Văn V, Ngô Thị Thiên A, Ngô Thị Thu H1, Ngô Thị H2: bà Đinh Thị L - sinh năm 1956; trú tại: thôn Đ, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi (văn bản ủy quyền ngày 28/02/2022). Có mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Ngô Văn T và bà Đinh Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/6/2018 (Tòa án nhận ngày 09/7/2018), ngày 28/8/2018, ngày 07/3/2022 và ngày 23/3/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L do bà Đinh Thị L đại diện trình bày:*

Năm 1998, Nhà nước có dự án làm kênh mương TN đi ngang qua vườn nhà ông, bà nên Ủy ban nhân dân xã N vận động gia đình ông, bà giao đất cho

Nhà nước làm kênh mương và giao thửa đất số 1274, tờ bản đồ số 6, xã N cho gia đình ông, bà sử dụng.

Tại phiên tòa, bà L xác định hộ gia đình ông, bà được UBND xã N cân đối giao thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4, diện tích 843m² (đất trồng cây hàng năm khác), địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Gia đình ông, bà đã sử dụng trồng lang, mì, bắp và trồng cỏ nuôi bò từ năm 1998. Ngày 16/12/2011, hộ ông bà được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BI 154412, sổ vào sổ CH04277 thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4, diện tích 843m², loại đất trồng cây hàng năm khác tại thôn Đ, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 2014, ông Nguyễn P và bà Nguyễn Thị L1 tranh chấp đất với ông, bà. Tại buổi hòa giải ngày 15/9/2014, bà mới biết năm 1998, UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông P thửa 1274, diện tích 647m². Gia đình ông, bà sử dụng đất từ năm 1998 đến năm 2014 không ai tranh chấp hay khiếu nại và là người nộp thuế cho Nhà nước. Ông P, bà L1 được Nhà nước giao đất nhưng không sử dụng. Ông P, bà L1 biết ông, bà canh tác, sử dụng thửa 1274 (nay là thửa 359) từ năm 1998 đến năm 2014 nhưng không tranh chấp, khiếu nại. Điều đó chứng tỏ ông P, bà L1 đã từ bỏ quyền sử dụng đất của mình.

Ngày 03/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành Quyết định số 3860/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông tại thửa 359 và Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 về việc hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông, bà.

Ngày 16/4/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông P thửa 359.

Năm 2014, ông P và bà L1 chiếm phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 231,5m² thuộc thửa 359 để trồng cỏ.

Sau khi có Bản án dân sự phúc thẩm số 196/2019/DS-PT ngày 18/10/2019 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, ông bà đã được cơ quan thi hành án giao thửa 359 cho ông, bà. Hiện không ai sử dụng thửa 359 và không có tài sản gắn liền với đất.

Nay, ông bà yêu cầu Tòa án xác định cho ông, bà được quản lý, sử dụng thửa 359; hủy Quyết định số 3860 và Quyết định số 272; hủy Giấy chứng nhận số phát hành CN085696, sổ vào sổ CS07801 ngày 16/4/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Nguyễn P đối với thửa 359.

** Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 23/7/2018, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn P và bà Nguyễn Thị L1 cùng trình bày:*

Thửa 359 có nguồn gốc do Nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đình ông, bà và được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/12/1998 thuộc thửa 1274. Năm 1999, UBND xã N tổ chức đào kênh mương thủy lợi, có đoạn kênh mương đi qua vườn nhà ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L và đi qua thửa 1274 của gia đình ông, bà khoảng 160m² nên cán bộ UBND huyện T1 và cán bộ UBND xã N đến vận động ông, bà giao diện tích còn lại của thửa 1274 cho ông T, bà L sử dụng; đồng thời UBND xã N hứa sẽ giao cho gia đình ông, bà một thửa đất khác nên ông, bà đã đồng ý giao phần còn lại của thửa 1274 cho UBND xã N. Việc ông, bà giao phần còn lại của thửa 1274 cho UBND xã N để UBND xã giao lại cho ông T, bà L và việc UBND xã hứa giao thửa đất khác cho gia đình ông, bà chỉ bằng lời nói, không lập văn bản giấy tờ gì. Tuy nhiên, sau khi ông, bà giao phần còn lại của thửa 1274 cho UBND xã N thì UBND xã N không giao cho gia đình ông, bà thửa đất khác như đã hứa; kênh mương thủy lợi đào xong nhưng lại không dùng vào việc tưới tiêu; diện tích đất ông T, bà L và gia đình ông, bà hiến làm mương thì ông T, bà L và gia đình ông, bà lấp lại sử dụng nhưng ông T, bà L không trả phần đất còn lại của thửa 1274 cho gia đình ông, bà mà còn làm thủ tục, được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 359 vào ngày 16/12/2011.

Sau nhiều năm không được UBND xã N giao thửa đất khác như đã hứa nên năm 2014 gia đình ông, bà khiếu nại yêu cầu ông T, bà L trả lại đất cho gia đình ông, bà.

Ngày 03/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện T1 có Quyết định số 3860/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T tại thửa 359. Ngày 29/01/2018, UBND huyện T1 có Quyết định số 272/QĐ-UBND về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T thửa 359 và ngày 16/4/2018, hộ gia đình ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 085696, sổ vào sổ CS07801 thuộc thửa 359, chính là thửa 1274 mà hộ gia đình ông, bà được cấp Giấy chứng nhận năm 1998.

Sau khi có Bản án dân sự phúc thẩm số 196/2019/DS-PT ngày 18/10/2019 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, ông T và bà L đã được cơ quan thi hành án giao thửa 359. Hiện không ai sử dụng thửa 359 và không có tài sản gắn liền với đất.

Thửa 1274 (nay là thửa 359) là của hộ gia đình ông, bà được Nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Do đó, ông bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Các ông, bà Ngô Thị H2, Ngô Văn L3, Ngô Thị Thu H1, Ngô Thị Thiên A,

Ngô Văn V do bà Đinh Thị L đại diện theo ủy quyền trình bày: các ông, bà là con của ông Ngô Văn T và bà Đinh Thị L, thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện ông T, bà L, không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

- *Các ông, bà Lê Thị Th, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Cẩm N1, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thành V, Nguyễn Thị Anh L2 cùng trình bày:* các ông, bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn P và bà Nguyễn Thị L1, không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

- *Ủy ban nhân dân huyện T1 trình bày:* năm 1998, hộ ông Nguyễn P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1274. Khoảng năm 1998 - 1999, UBND xã N đào con kênh thủy lợi ngang qua vườn nhà của ông Ngô Văn T nên UBND xã N đã làm việc với ông P. Ông P thống nhất giao thửa 1274 cho ông T và UBND xã N hứa đổi thửa đất khác với diện tích tương ứng cho ông P nhưng chưa thực hiện. Sau đó, con mương không dùng vào việc tưới tiêu nên các hộ tự ý san lấp và sản xuất trên thửa đất này.

Năm 2010, ông T đến UBND xã N đăng ký kê khai phân diện tích trên và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 359.

Trên cùng một thửa đất mà UBND xã N đề nghị UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 chủ sử dụng là hộ ông P thửa 1274 và hộ ông T thửa 359.

Ngày 25/10/2016, UBND xã N có Tờ trình số 128/TTr-UBND đề nghị UBND huyện T1 thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông T thửa 359. Trên cơ sở đề nghị của UBND xã N, của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra huyện, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3860/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T và Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T đối với thửa 359.

- *Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trình bày:* năm 1998, hộ ông Nguyễn P được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1274. Tuy nhiên, tại thời điểm năm 2011 dự án VLAP thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận có sự nhầm lẫn nên đã cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ ông Ngô Văn T tại thửa 1274 (bản đồ đo vẽ năm 1993), nay là thửa 359 (bản đồ đo vẽ năm 2010).

Sau khi có Kết luận của Thanh tra huyện, UBND huyện T1 đã có Thông báo số 1060/TB-UBND ngày 28/6/2017 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đến ngày 03/8/2017, UBND huyện đã có Quyết định số 3860/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T tại thửa 359.

Ngày 07/3/2018, hộ ông P nộp hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1274 (bản đồ đo vẽ năm 1993), nay là thửa 359 (bản đồ đo vẽ năm 2010) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp đổi vào

ngày 16/4/2018 là đúng theo trình tự thủ tục và vị trí sử dụng đất của hộ ông P đang sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L.

1. Buộc ông Nguyễn P, bà Nguyễn Thị L1 và các anh, chị Nguyễn Thị Cẩm N1, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Anh L2, Nguyễn Thị D1, Lê Thị Th, Nguyễn Thành V phải trả lại cho ông T, bà L 231,5m² đất thuộc thửa 359.

2. Buộc ông P, bà L1 và các anh, chị N1, N2, L2, D1, Th, V phải chặt bỏ toàn bộ số cây cỏ trên diện tích đất 231,5m² trả lại cho ông T, bà L tại thửa 359.

3. Hủy Quyết định số 3860, Quyết định số 272 và GCNQSDĐ số phát hành CN 085696, sổ vào sổ CS07801 ngày 16/4/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông P đối với thửa 359.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/3 và ngày 01/4/2019, ông P và bà L1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông, bà không phải chịu chi phí tố tụng khác và án phí vì ông, bà trên 60 tuổi.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 196/2019/DS-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xử: chấp nhận một phần kháng cáo của ông P, bà L1; sửa Bản án số 10/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần án phí; ông P, bà L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm; hoàn trả lại cho ông P, bà L1 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0001627 ngày 10/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 02/01/2020, ông P có đơn đề nghị xem xét Bản án dân sự phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 29/2021/DS-GĐT ngày 17/9/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 15/2021/KN-DS ngày 18/3/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 196/2019/DS-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy các quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L với bị đơn là ông Nguyễn P, bà Nguyễn Thị L1 và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại theo

thủ tục sơ thẩm, đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 34, 37, 92, 147, 157, 158, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 134, 235, 236, 237 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 120, 189, 212, 216, 217, 218 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 32 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 53, 106, 126, 210 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 74 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L về việc xác định cho ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L về việc hủy Quyết định số 3860/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Ngô Văn T tại thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4 (bản đồ đo vẽ năm 2010), xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L về việc hủy Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Ngô Văn T tại thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4 (bản đồ đo vẽ năm 2010), xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN 085696, số vào sổ CS07801 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Nguyễn P tại thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2023, nguyên đơn ông Ngô Văn T và bà Đinh Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà và sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bà L cho rằng thửa đất số 359 có nguồn gốc là của ông Nguyễn

P. Năm 1998, gia đình bà được Nhà nước cân đối giao toàn bộ thửa đất số 359 theo Nghị định 64/CP của Chính phủ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của TAND tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Văn T và bà Đinh Thị L kháng cáo với nội dung yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà và sửa Bản án sơ thẩm. Ông T, bà L yêu cầu Toà án giao cho ông, bà được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 359; huỷ Quyết định số 3860/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 và Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của UBND huyện T1 về việc thu hồi, huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T; huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn P, Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Về nguồn gốc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4, diện tích 843,0m² tọa lạc tại thôn Điền Hoà, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi: năm 1998, thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân xã N cân đối quỹ đất, cấp đất cho hộ ông Nguyễn P và hộ ông P đăng ký kê khai, được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/12/1998 tại thửa đất số 1274, tờ bản đồ số 6, diện tích 647m², loại đất màu (tờ bản đồ năm 1993). Năm 1999, Ủy ban nhân dân xã N đào kênh mương thủy lợi có đi qua vườn của hộ ông T, diện tích kênh chiếm khoảng 120m². Để vận động gia đình ông T hiến đất làm mương, Ủy ban nhân dân xã N đề nghị hộ ông P giao thửa đất số 1274 cho UBND xã để UBND xã giao cho hộ ông T và hứa sẽ giao lại cho hộ ông P thửa đất khác. Việc vận động hộ ông P giao thửa đất 1274 cho UBND xã và việc UBND xã hứa đổi đất không được lập thành văn bản nhưng đều được các bên thừa nhận. Đến năm 2005, tuyến kênh mương thủy lợi không đưa vào sử dụng nên hộ ông T san lấp và quản lý sử dụng, không trả lại thửa đất số 1274 cho hộ ông P. Diện tích đất này ông T đã kê khai và được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 154412 ngày 16/12/2011, thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4, diện tích 843m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác tại thôn Điền Hoà, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi. Xét thấy, việc UBND huyện T1 không thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông P và hộ ông P cũng không được giao thửa đất khác như đã hứa. Như vậy, có cơ sở xác định diện tích đất ông T, bà L sử dụng là của hộ ông P. Bà L cho rằng

thửa đất này gia đình bà được Nhà nước cân đối giao theo Nghị định 64/CP của Chính phủ nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh là được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Do đó, việc ông T và bà L khởi kiện yêu cầu Toà án xác định cho ông, bà được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 359 là không thể chấp nhận.

[1.2] Tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 359 cho hộ ông T thì trước đó thửa đất này đã được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông P mang số thửa 1274 và không có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông P. Như vậy, cùng một thửa đất nhưng UBND huyện T1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai chủ sử dụng gồm hộ ông P và hộ ông T là không đúng quy định tại Điều 32 của Luật Đất đai năm 2003 (Điều 53 của Luật Đất đai năm 2013). Do đó, sau khi phát hiện có sai sót, ngày 25/10/2016, UBND xã N đã có Tờ trình số 128/TTr-UBND đề nghị UBND huyện T1 thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông T, thửa đất số 359. Đồng thời, căn cứ kết luận Thanh tra huyện tại Báo cáo số 59/BC-TTr ngày 29/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện T1 đã ban hành Quyết định số 3860/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T tại thửa đất số 359 và ngày 29/01/2018, Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành Quyết định số 272/QĐ-UBND về việc huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông P là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc huỷ Quyết định số 3860/QĐ-UBND ngày 03/8/2017, Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của UBND huyện T1 và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T1 cấp cho hộ ông P đối với thửa đất số 359 là có cơ sở.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T và bà Đinh Thị L là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Văn T và bà Đinh Thị L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[3] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng xét, ông T, bà L đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông, bà không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Văn T và bà Đinh Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng Điều 134, 235, 236, 237 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 120, 189, 212, 216, 217, 218 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 32 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 53, 106, 126, 210 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 74 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L về việc xác định cho ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L về việc hủy Quyết định số 3860/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Ngô Văn T tại thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4 (bản đồ đo vẽ năm 2010), xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L về việc hủy Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Ngô Văn T tại thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4 (bản đồ đo vẽ năm 2010), xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn T, bà Đinh Thị L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN 085696, sổ vào sổ CS07801 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Nguyễn P tại thửa đất số 359, tờ bản đồ số 4, xã N, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về án phí: miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Ngô Văn T và bà Đinh Thị L.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên